

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 86

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

Pháp hội 22: ĐẠI THẦN BIẾN

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ tại khu vườn Kỳ thọ Cấp cô độc cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và tám ngàn Đại Bồ-tát đến hội hợp đông đủ. Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thương Chủ đều ở trong pháp hội.

Bấy giờ Thiên tử Thương Chủ làm lễ bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thường dùng bao nhiêu loại thần biến để điều phục chúng sinh?

Đức Phật dạy:

–Này Thiên tử! Như Lai dùng ba loại thần biến điều phục chúng sinh: Một là thuyết pháp; hai là giáo giới; ba là thần thông.

Thế nào gọi là Như Lai thuyết pháp thần biến?

Như Lai dùng Vô ngại đại trí thấy đời vị lai tất cả chúng sinh tâm hành họ sai khác, đối với Tam bảo có tin hay không tin và nghiệp nhân quả báo của họ đều thấy biết rõ. Như Phật đã nói, nếu đời hiện tại họ tạo nhân ác họ sẽ đọa ác đạo, theo nghiệp mà thọ báo quyết định không sai. Nếu là chúng sinh có thiện nghiệp nhân duyên thệ nguyện lực thì từ ác đạo ra, sinh trong trời, người hoặc do ba thừa Thanh văn, Duyên giác và Đại thừa mà được độ thoát. Trải bao nhiêu kiếp thọ khổ thọ vui sẽ được Niết-bàn, sẽ được gặp bao nhiêu Phật, các nghiệp như vậy quyết định không sai. Hoặc là chúng sinh do thiện nghiệp nhân duyên thệ nguyện lực sẽ sinh vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới trải bao nhiêu kiếp do ba thừa ấy mà được giải thoát. Do công hạnh như vậy sẽ được thấy Phật kính thờ cúng dường. Tất cả phẩm thượng trung hạ thiện nghiệp ác nghiệp như vậy, cho đến một niệm, Như Lai đều biết rõ rồi thuyết pháp cho họ. Đây gọi là thuyết pháp thần biến.

Thế nào gọi là giáo giới thần biến?

Này Thiên tử! Hoặc dạy người trì giới như vậy: đây nên làm, nên làm; đây nên tin, đây chẳng nên tin; đây nên gần, đây chẳng nên gần; pháp ấy tạp nhiễm, pháp ấy thanh tịnh; cho đến đây là pháp nhiếp thọ tất cả công đức, đây là tư lương thiện đạo, đi con đường như vậy được Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa; đi con đường như vậy sẽ được Đại thừa, phải lìa phi pháp, phải trụ như pháp, như lời Phật dạy quyết định không sai, đây là nghiệp địa ngục, đây là nghiệp bàng sinh, đây là nghiệp ngạ quỷ, đây là nghiệp trời, người; phải bỏ pháp ác, phải tu pháp thiện, đây là Thánh đạo, phải học như vậy. Những chúng sinh ấy qua lại cõi trời, người lẫn vào Niết-bàn. Đức Phật chỉ dạy như vậy, trước sau không uổng phí, đây gọi là Như Lai giáo giới thần biến.

Thế nào gọi là thần thông thần biến?

Nếu vì điều phục chúng sinh kiêu mạn, hoặc hiện một thân làm nhiều thân, hoặc hiện nhiều thân làm một thân, nơi núi ngàn tường vách xuất nhập vô ngại, trên thân

hiện ra lửa dưới thân hiện ra nước, dưới thân hiện ra lửa trên thân hiện ra nước, vào đất như nước, đi trên nước như đất, lấy tay sờ xoa mặt trời, mặt trăng, hoặc hiện thân lớn đến trời Phạm thế, cho đến rộng lớn trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, tùy theo chỗ nào thích hợp thì hiện ra để điều phục chúng sinh. Đây gọi là Như Lai thần thông thần biến.

Thiên tử Thương Chủ lại bạch:

–Như Lai còn có thần biến nào hơn đây chăng?

Đức Phật dạy:

–Này Thiên tử! Như Lai còn có thần biến thù thắng.

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nên diễn nói thần biến thù thắng của Như Lai khiến các Bồ-tát đắc Pháp nhẫn thâm sâu, nhẫn xô dẹp chúng ma, cũng làm cho pháp Bồ-đề của Như Lai trụ thế lâu dài.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cho dù nếu Như Lai đem nước bốn biển lớn của tam thiên đại thiên thế giới để trong lòng bàn tay, thì chúng sinh thủy tộc cũng không bị nhiễu động. Thần biến này chưa là thù thắng.

Nếu Như Lai đối với tất cả pháp chẳng thể diễn đạt hết, không danh, không tướng, không sắc, không thanh, không hành, không tác, không văn tự, không hý luận, không biểu thị, rời tâm ý thức, dứt tất cả đường ngữ ngôn tịch tĩnh chiếu minh, thì Như Lai dùng ngôn ngữ khai thị, tất cả thế gian đều chẳng hiểu biết được, Sa-môn, Bà-la-môn nghe đến kính sợ. Đây gọi là thần biến cao tốt của chư Phật.

Lại nữa, Đức Như Lai đem tam thiên đại thiên thế giới nạp vào trong miệng, bốn thiên hạ không bị chướng ngại, ánh sáng mặt trời, mặt trăng chẳng bị che khuất vẫn an ổn như cũ, chúng sinh trong ấy cũng chẳng hay biết nơi chỗ dời đi. Thần biến này chưa là thù thắng.

Nếu Như Lai ở nơi tất cả pháp chẳng thể nói được không văn tự cho đến rời tâm ý thức dứt đường ngôn ngữ tịch tĩnh chiếu minh, mà dùng ngôn ngữ tuyên nói hiển thị. Đây gọi là thần biến cao tốt của chư Phật.

Lại nữa, thân bất cộng của Như Lai do nơi thần lực tùy theo chúng sinh thị hiện nhiều thứ thân đều làm cho họ vui mừng. Thần biến này chưa là thù thắng.

Nếu Như Lai vô ngã nói ngã, không chúng sinh nói chúng sinh, không nhân nói nhân, không dưỡng dục nói dưỡng dục, không danh nói danh: không sắc, thọ, tưởng, hành, thức nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không xứ nói xứ, không giới nói giới; dù nói nhãn không mà nhãn chẳng nói không, dù nói sắc không mà sắc chẳng nói không; nói nhãn thức không mà thức chẳng nói không, cho đến ý không pháp không và ý thức không cũng như vậy. Như Lai nói pháp vô danh, vô tướng, vô động, vô tri, vô ngôn ấy dẹp dứt tất cả tướng sinh diệt. Đây là Như Lai thần biến cao tốt.

Thần biến ấy chẳng tương ứng với nhãn với sắc với nhãn thức cho đến chẳng tương ứng với ý với pháp, với ý thức.

Thần biến ấy chẳng hợp với thân với tâm, vô hành, vô tác, rời các cảnh giới, tất cả thế gian chẳng thể tin được. Vì sao? Vì nói thế gian thì gọi là năm uẩn, nơi đây kẻ phàm phu vọng chấp trước, hoặc nói uẩn thường, hoặc nói uẩn vô thường. Do nghĩa ấy mà thế gian vọng nói uẩn là thường rồi nghe nói vô thường thì chẳng tin, họ vọng thấy uẩn là vui rồi nghe nói khổ thì chẳng tin, họ vọng thấy ngã rồi nghe nói vô ngã thì chẳng tin,

họ vọng thấy tịnh rồi nghe nói bất tịnh thì chẳng tin, họ vọng thấy ngã sở rồi nghe nói không ngã sở thì không tin, họ vọng chấp ngũ uẩn thật rồi, nghe nói không thật thì không tin. Do đây nên thần biến của Như Lai siêu việt tâm tướng, người nghe chẳng hân tướng, nên tất cả thế gian chẳng thể tin.

Lại nữa, vì siêu cảnh giới của nhãn căn nên chẳng phải là sắc pháp, gọi là thần biến, vì siêu việt cảnh giới của nhĩ căn nên chẳng phải là thanh pháp, thậm chí vì siêu việt cảnh giới của ý thức nên chẳng phải ý pháp, Như Lai chẳng thể hiển thị không phải là trí, đó là thần biến.

Lại nữa, Không, Vô tướng, Vô nguyện là những điều chẳng thể nêu bày, mà Như Lai nói Không, Vô tướng, Vô nguyện, đây gọi là thần biến.

Không khởi, không tác, không tánh, không tướng, không sinh, không diệt vốn dĩ là Niết-bàn chẳng thể nói, mà nói Niết-bàn; đây gọi là thần biến.

Lại nữa, vì bố thí thanh tịnh ba luân nên gọi là thần biến. Thế nào là ba luân? Đó là rời ngã tướng và lìa chúng sinh tướng, chẳng niệm Bồ-đề vậy, trì giới thanh tịnh, đây gọi là thần biến, vì đó là thân, khẩu, ý ba nghiệp vô sở tác.

Nhẫn nhục thanh tịnh được gọi là thần biến, ví sát-na hoại diệt không chỗ chấp trước.

Tinh tấn thanh tịnh được gọi là thần biến, vì không đi không đến thân tâm bất động.

Thiền định thanh tịnh được gọi là thần biến, vì tâm không chỗ nương trong ngoài tịch tĩnh.

Trí tuệ thanh tịnh được gọi là thần biến, vì chiếu sáng các pháp dứt tất cả kiến chấp sai lầm.

Lại nữa, pháp không rời tướng xuất mà nói pháp xuất ly, được gọi là thần biến.

Pháp không sai biệt mà phân biệt văn tự được gọi là thần biến.

Pháp không sở hành mà nói có tu hành được gọi là thần biến.

Pháp không đến đi mà nói có đến đi được gọi là thần biến.

Chứng nhập trong nhất đạo mà kiến lập các quả vị, đây gọi là thần biến.

Trong pháp nhất vị mà phân biệt ba thừa, đây gọi là thần biến.

Tất cả chư Phật chỉ là một Phật mà nói vô lượng Phật, đây gọi là thần biến.

Tất cả cõi Phật chỉ là một cõi Phật mà nói vô lượng cõi Phật, đây gọi là thần biến.

Vô lượng chúng sinh tức một chúng sinh mà nói vô lượng chúng sinh, đây gọi là thần biến.

Tất cả Phật pháp chỉ là một Phật pháp mà nói vô lượng Phật pháp đây gọi là thần biến.

Pháp chẳng thể hiển thị, mà hiển thị các pháp, đây gọi là thần biến.

Pháp vô sở đắc mà tu tập chứng nhập đây gọi là thần biến.

Bấy giờ Thiên tử Thương Chủ bạch Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng:

–Như chỗ tôi hiểu, ý nghĩa được Đấng Đại Nhân Từ nói thì ở nơi tất cả pháp có bao nhiêu sự nói năng đều gọi là thần biến cả.

Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đúng như vậy! Tất cả nói năng thật ra không có chỗ nào gọi là nói năng cả, gọi là đại thần biến.

Lúc nói pháp trên đây, có một vạn hai ngàn Thiên tử phát tâm Vô thượng Bồ-đề, năm trăm Bồ-tát đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Thiên tử Thương Chủ:

–Ông nghe đại thần biến ấy mà chẳng kinh sợ chẳng?

Thiên tử Thương Chủ nói:

–Tôi tức là thần biến sao lại kinh sợ.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Có mặt ý gì mà ông nói như vậy?

Thương Tử Thiên Tử nói:

–Tất cả các pháp thiện, hoặc bất thiện không động mà động, đây gọi là đại thần biến. Vì thế nên người tạo nghiệp lành sinh lên cõi trời có oai đức lớn, nghiệp lành ấy chẳng thể nghĩ bàn, tất cả chúng sinh qua lại sinh tử cũng chẳng thể nghĩ bàn, đây gọi là thần biến.

Như Đức Phật nói bốn thứ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn: Một là cảnh giới nghiệp chẳng thể nghĩ bàn, hai là cảnh giới của rồng chẳng thể nghĩ bàn, ba là cảnh giới thiên chẳng thể nghĩ bàn và bốn là cảnh giới Phật chẳng thể nghĩ bàn, do nghĩa này mà nói tất cả pháp gọi là đại thần biến chẳng nên kinh sợ.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Đức Như Lai nói đại thần biến ấy, cảnh giới hư không lại có kinh sợ chẳng?

Tôn giả đáp:

–Không có.

Thiên tử nói:

–Nếu hư không chẳng kinh sợ sao ngài lại hỏi có kinh sợ chẳng?

Tôn giả nói:

–Ông lẽ nào lại đồng như hư không ư?

Thiên tử nói:

–Như Đức Phật nói không trong, không ngoài, có phải là hư không chẳng?

Tôn giả nói:

–Đúng vậy.

Thiên tử nói:

–Vì thế nên tất cả chúng sinh là tánh hư không.

Tôn giả nói:

–Này Thiên tử! Như lời ông nói, chẳng bao lâu ông cũng sẽ hiện thần biến như vậy. Vì sao? Vì siêu quá tất cả cảnh giới là đại thần biến.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiên tử Thương Chủ đây, từ xưa đã cúng dường chư Phật Thế Tôn và Văn-thù-sư-lợi nên mới thành tựu biện tài như vậy.

Đức Phật bảo Tôn giả:

–Này Xá-lợi-phất! Đúng như vậy! Như lời ông nói. Đó là do Văn-thù-sư-lợi làm cho thành thực.

Này Xá-lợi-phất! Thuở quá khứ vô lượng kiếp có Đức Phật hiệu Đẳng Tu-di Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác xuất hiện thế gian, nước tên An lạc, kiếp tên Hoan hỷ, tất cả chúng sinh nước ấy đều đầy đủ an vui cho đến không có chút tiếng khổ não. Nước ấy bằng bốn báu kim ngân, lưu ly và pha lê, đất bằng như bàn tay, sạch sẽ và dịu mềm như Thiên y, không chỗ tai nạn, trời, người đều sung mãn an ổn, đông nhiều khoái lạc vô lượng, do đó mà gọi là thế giới An lạc. Trong pháp của Đức Phật Đẳng Tu-di ấy thuần là Bồ-tát tinh tấn dũng mãnh trí tuệ sáng suốt, được Tu-đa-la vương Đà-la-ni, biện

tài vô tận, thiện xảo phương tiện phân biệt thuyết pháp, thần thông trí tuệ xô dẹp ma oán, giải thoát vô ngại thành tựu định nhẫn, khéo biết căn tánh đúng bệnh cho thuốc, đủ phước đức trí tuệ tư lương lớn, làm bạn không cần thỉnh của các chúng sinh, dùng sức thần thông đi khắp các cõi nước chư Phật, vào biển trí hành an trụ thí, giới, trí tuệ, đa văn, vô biên thiện căn phương tiện hồi hướng, trụ nơi mười Lực, bốn Vô úy và tất cả Phật pháp, du hý Tam-muội các thiền giải thoát. Phật Thế Tôn dùng các Đại Bồ-tát như vậy làm quyến thuộc.

Nơi nước An lạc ấy, bây giờ có Chuyển luân vương tên Tịnh Trang Nghiêm dùng chánh pháp trị đời, thống lãnh bốn thiên hạ có đủ bảy báu. Vua ấy có ngàn con trai đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Vua Tịnh Trang Nghiêm và hậu cung cũng đều đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đức Đẳng Tu-di Như Lai thọ bảy mươi câu-chi tuổi.

Trong trăm ngàn năm, kính thờ cúng dường Đức Phật Đẳng Tu-di và chúng Bồ-tát những đồ uống ăn y phục đồ cần dùng. Nhà vua cùng ngàn con trai và tất cả hậu cung đều được thanh tịnh, tin yêu chánh pháp vui mừng chẳng còn có tâm khác, thường ở trước Đức Phật ấy tự tay cúng dường thân cận nghe pháp. Quá trăm ngàn năm rồi, ngàn vương tử và hậu cung được thành tựu bốn niệm. Những gì là bốn? Một là niệm Phật và Bồ-tát; hai là niệm thí; ba là niệm giới; bốn là chẳng quên tâm Bồ-đề. Vì được bốn niệm, nên ngày đêm thường thấy Phật và các Bồ-tát.

Thời gian sau, một hôm nhân nghe pháp, nhà vua Tịnh Trang Nghiêm và hậu cung đến chỗ Phật.

Đức Đẳng Tu-di Như Lai muốn giáo hóa các Bồ-tát, nên ở giữa đại chúng hiện các thứ thần biến.

Vua Tịnh Trang nghiêm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có thần biến nào hơn đây chẳng?

Đức Đẳng Tu-di Như Lai nói:

–Này đại vương! Như Lai còn có thù thắng thần biến. Đó là biết rõ quá khứ đã diệt, hiện tại chẳng trụ, vị lai chưa sinh không có tâm sở mà nói pháp tâm và tâm sở ba đời. Trong pháp nhất vị nói ba giải thoát. Nơi một diệt chứng nói bốn Thánh đế, khai thị Không, Vô tướng, Vô nguyện thành tựu chúng sinh điên đảo khổ não, nói vô tướng vô vi thành tựu Bồ-đề. Nơi chẳng giữ, chẳng bỏ nói Bồ thí ba-la-mật-đa. Nơi vô trụ vô tác, nói Trì giới ba-la-mật-đa. Nơi không ngã không pháp, nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Thân tâm tịch tĩnh, nói Tinh tấn ba-la-mật-đa. Chẳng loạn chẳng nhiếp, nói Thiền định ba-la-mật-đa. Rời lìa bờ đây bờ kia, nói Bát-nhã ba-la-mật-đa. Không chỗ động niệm mà thực hành phương tiện. Rời tướng nương nhờ mà tu tập tâm Từ. Dùng pháp vô tác mà tu tập tâm Bi. Vì lìa mừng vui mà tu tập đức Hỷ. Do pháp bất trụ mà tu đức Xả. Vì không chỗ thấy mà khởi Thiên nhãn. Vì không chỗ nghe mà khởi Thiên nhĩ. Không chỗ phan duyên mà khởi Tha tâm trí. Rời lìa tiền tế mà khởi Trí túc mạng. Thân tâm bất động mà khởi Thần túc. Chẳng trụ các pháp mà tu Niệm xứ. Vì không sinh diệt mà tu bốn Chánh cần. Chẳng phải Căn nói Căn, chẳng phải Lực nói Lực. Các pháp tịch tĩnh mà nói Bồ-đề phần. Các pháp không sai biệt mà nói tám Thánh đạo. Chẳng trụ tịch tĩnh mà tu Xa-ma-tha. Viễn ly pháp tướng mà tu Tỳ-bát-xá-na. Xưa nay vẫn tịch diệt mà nói Niết-bàn.

Lúc Đức Phật Đẳng Tu-di vì vua Tịnh Trang Nghiêm và hậu cung nói pháp thần biến ấy, có tám vạn bốn ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Vua Tịnh Trang Nghiêm và một ngàn vương tử chứng Vô sinh pháp nhẫn, rồi do thần lực của Phật, liền ở

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

trước Phật nói kệ tán thán:

*Như núi Tu-di
In bóng biển lớn
Oai quang của Phật
Che khắp đại chúng.
Như mặt trời mọc
Phá tất cả tối
Hào tướng của Phật
Chiếu khắp thế giới.
Như mặt trăng tròn
Ánh sáng rực rỡ
Phật đức tròn đầy
Tuệ quang chiếu khắp.
Ví như hoa sen
Chẳng dính bùn nước
Phật ở tại đời
Không hề nhiễm trước.
Như sư tử chúa
Gâm nơi rừng sâu
Đấng Đại Pháp Vương
Ở nơi tánh không.
Nói tất cả pháp
Chẳng có chẳng không
Khiến rời biên kiến
Danh Sư Tử Hống.
Vì tất cả tướng
Hoặc sinh hoặc diệt
Nói không sinh diệt
Danh Sư Tử Hống.
Chỉ rõ bờ này
Hoặc dạy bờ kia
Chẳng trụ các pháp
Danh Sư Tử Hống.
Phân biệt hai tướng
Là nhiễm là tịnh
Các pháp tánh tịnh
Danh Sư Tử Hống.
Tham, sân, si hành
Theo phân biệt sinh
Mà chẳng phân biệt
Danh Sư Tử Hống.
Và thuyết sinh tử
Vô thường, vô ngã
Theo điên đảo khởi
Danh Sư Tử Hống.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Sinh tử Niết-bàn
Xưa nay tịch tĩnh
Là đại Bồ-đề
Danh Sư Tử Hống.
Bị kiến chấp trói
Lưu chuyển thế gian
Khai thị tánh không
Danh Sư Tử Hống.
Như Lai Đại Sư
Hiện những thân biến
Đều được khai thị
Danh Sư Tử Hống.
Với tất cả nghịch thuận
Tâm ấy chẳng khuynh động
Thường an trụ bình đẳng
Gọi tùy thuận pháp nhãn.
Tùy thuận pháp lặng sâu
Của Đức Phật từng dạy
Cũng chẳng chứng trong ấy
Gọi tùy thuận pháp nhãn.
Lìa xa các ác lỗi
Tăng trưởng các pháp lành
Trong ấy chẳng chấp trước
Gọi tùy thuận pháp nhãn.
Nói tiếng các pháp không
Nói tiếng mọi kiến giả
Hai thứ đều không chấp
Gọi tùy thuận pháp nhãn.
Tiếng vô biên Phật pháp
Tiếng các thứ phiền não
Chẳng phân biệt nơi tiếng
Gọi tùy thuận pháp nhãn.
Nơi thí, giới, nhẫn nhục
Tinh tấn và định tuệ
Mà tu hành như pháp
Gọi tùy thuận pháp nhãn.
Chẳng bỏ tâm Bồ-đề
Bình đẳng quán tất cả
Thanh tịnh đạo Bồ-đề
Gọi tùy thuận pháp nhãn.
Như Lai tự ý nói
Khai thị các Phật pháp
Nghe pháp không nghi hoặc
Gọi tùy thuận pháp nhãn.
Nếu tôi chứng Bồ-đề

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Là đại Sư Tử Hống
Diễn nói thần biến này
Như Phật nay đã nói.
Nơi ruộng phước vô thượng
Chẳng thể nghĩ bàn này
Tôi đã gieo hạt giống
Trọn không hề thoái chuyển.
Giả sử đại địa rã
Biển lớn đều khô cạn
Căn lành tôi đã trồng
Vĩnh viễn không thoái thất.
Biết rõ tâm chúng sinh
Tánh nó như hư không
Trồng sâu giống Bồ-đề
Được phước đức vô biên,
Chỉ nguyện tôi hôm nay
Chỉ Đức Phật chứng biết
Trời, Người, Càn-thát-bà
Không ai có thể biết,
Nay tôi tuyệt chẳng cầu
Thắng phước của chư Thiên
Con sẽ được trí tuệ
Như Đức Phật Thế Tôn.
Con trong trăm ngàn năm
Thân cận cúng dường Phật
Vì phát nguyện Bồ-đề
Tu vô biên hạnh này,
Nay con và ngàn con
Các quyến thuộc hậu cung
Nguyện thường cúng dường Phật
Để thành thực Bồ-đề.
Nay con được thiện lợi
Được thấy rõ chư Phật
Được nghe diệu pháp này
Ưa thích đạo Bồ-đề.
Nếu ưa thích Bồ-đề
Thì là thích ưa pháp
Vì thương xót chúng sinh
Nên chẳng bỏ Phật thừa.

Bấy giờ trong chúng có Bồ-tát tên Pháp Tốc Tật nói với vua Tịnh Trang Nghiêm:

Này đại vương! Nhà vua chẳng tùy thuận thần biến của Như Lai, cũng chẳng phải hưởng đến Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Này đại vương! Bồ-đề ấy an trụ trong pháp giới chẳng đến chẳng đi, không tri không hành, chẳng phải sắc chẳng phải tướng, chẳng lấy, chẳng bỏ, như họa vẽ trong hư không, không có chạm đụng, bản tánh vốn thanh tịnh.

Này đại vương! Bồ-đề ấy vào tất cả chỗ, vì các pháp bình đẳng vậy. Bồ-đề ấy

không phân biệt vì rời các tướng vậy. Bồ-đề ấy tịch tĩnh vì ngăn dứt các tướng vậy. Bồ-đề ấy tánh thanh tịnh vì rời chấp trước vậy. Bồ-đề ấy bất động vì không tạp loạn vậy. Bồ-đề ấy gọi là tâm bình đẳng vì không chỗ khởi lên vậy. Bồ-đề ấy gọi là chúng sinh bình đẳng vì vốn vô sinh. Bồ-đề ấy gọi là bất sinh mà sinh, vì duyên khởi vô tánh vậy. Bồ-đề ấy chẳng thể hiển thị vì rời tâm ý thức vậy.

Này đại vương! Bồ-đề ấy vô sở hành vì siêu quá các cảnh giới vậy. Bồ-đề ấy vô hý luận, vì rời tướng tầm tư vậy. Bồ-đề ấy là Không, vì tánh tướng không vậy. Bồ-đề ấy Vô tướng, vì rời tất cả tướng vậy. Bồ-đề ấy Vô nguyện, vì vô sở trụ vậy. Bồ-đề ấy vô tác, vì không nghiệp báo vậy. Bồ-đề ấy vô vi, vì rời ba tướng vậy.

Này đại vương! Bồ-đề là tánh tướng như vậy. Nếu ở nơi pháp ấy mà có chỗ nguyện cầu, thì uổng phí công của mình một cách vô ích. Vì sao? Vì đúng như tánh Bồ-đề ấy, Bồ-tát phải nên thực hành. Có thể thực hành như vậy thì gọi là chánh hạnh.

Vua Tịnh Trang Nghiêm thưa:

–Bạch Bồ-tát Pháp Tốc Tật! Xin chỉ dạy chánh hạnh của Bồ-tát.

Bồ-tát Pháp Tốc Tật nói:

–Này đại vương! xả bỏ các sở hữu là chánh hạnh của Bồ-tát, vì chúng sinh bình đẳng không phân biệt. Học giới Đâu-đà là chánh hạnh của Bồ-tát, vì giới tánh bình đẳng vô sở hành. Rời sân nhiệt não là chánh hạnh của Bồ-tát, vì nhẫn tánh bình đẳng không có tâm tướng. Kiên cố dũng mãnh là chánh hạnh của Bồ-tát, vì tinh tấn bình đẳng rời tâm hành. Tam-muội giải thoát là chánh hạnh của Bồ-tát, vì thiền định bình đẳng không sở duyên. Tư lương văn tuệ là chánh hạnh của Bồ-tát, vì tuệ tánh bình đẳng không sở niệm. Sinh nơi phạm trụ là chánh hạnh của Bồ-tát, vì nhiệm tịnh bình đẳng rời cả hai. Khởi các thần thông là chánh hạnh của Bồ-tát, vì thần thông bình đẳng chẳng sinh niệm. Đầy đủ biện tài là chánh hạnh của Bồ-tát, vì pháp nghĩa bình đẳng rời tâm tướng. Thành tựu thắng giải là chánh hạnh của Bồ-tát, vì pháp giới bình đẳng vô sở động. Tu bảy Giác phần là chánh hạnh của Bồ-tát, vì quán chiếu bình đẳng chẳng giải đãi. Khởi bốn Nhiếp pháp là chánh hạnh của Bồ-tát, vì các pháp bình đẳng đồng sự việc. Tâm bình đẳng đối với chúng sinh là chánh hạnh của Bồ-tát, vì tâm tánh bình đẳng không phân biệt. Trang nghiêm cõi Phật là chánh hạnh của Bồ-tát, vì thanh tịnh bình đẳng như hư không. Ba mươi hai tướng là chánh hạnh của Bồ-tát, vì quán pháp vô tướng nhập bình đẳng. Thanh tịnh thân, khẩu, ý là chánh hạnh của Bồ-tát, vì rời ba nghiệp tánh bình đẳng. Tùy hỷ chúng sinh là chánh hạnh của Bồ-tát, vì tất cả chúng sinh bình đẳng vô ngã. Không nhàm chán sinh tử là chánh hạnh của Bồ-tát, vì biết rõ như mộng tánh bình đẳng. Thường tu nghiệp lành là chánh hạnh của Bồ-tát, vì biết nghiệp bình đẳng không nghiệp báo. Kiên cố tu hành là chánh hạnh của Bồ-tát, vì quán tất cả pháp như ảo hóa. An nhẫn các sự khổ là chánh hạnh của Bồ-tát, vì biết rõ bình đẳng khổ chẳng sinh. Thân cận thiện hữu là chánh hạnh của Bồ-tát, vì nơi bạn chẳng phải bận tâm bình đẳng. Siêng tu thâm tâm là chánh hạnh của Bồ-tát, vì quả báo bình đẳng không chỗ cầu. Đa văn không nhàm chán là chánh hạnh của Bồ-tát, vì thuyết pháp thính pháp đều bình đẳng. Chẳng xen lẫn pháp là chánh hạnh của Bồ-tát, vì bình đẳng thuyết pháp chẳng mong cầu. Nhiếp thọ chánh pháp là chánh hạnh của Bồ-tát, vì bình đẳng thành thực các Phật pháp. Thường cầu thật trí là chánh hạnh của Bồ-tát, vì tánh của Đệ nhất nghĩa đế bình đẳng. Tâm mình khiêm hạ là chánh hạnh của Bồ-tát, vì tâm bình đẳng khiêm hạ đối với chúng sinh. Nhiếp toàn diện tất cả các công đức lành là chánh hạnh của Bồ-tát, vì công đức bình đẳng vô sở niệm.

Vua Tịnh Trang Nghiêm nghe nói chánh hạnh của Bồ-tát như vậy, nhà vua rất vui

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

mừng hơn hở, sinh lòng ưa thích liền cõi y phục và đồ nghiêm sức trên thân dăng cho Bồ-tát Pháp Tốc Tật. Ngàn vương tử cũng cõi đồ nghiêm sức trên thân dăng Bồ-tát Pháp Tốc Tật và đồng nói rằng:

–Nguyện tất cả chúng sinh thành Bồ-tát hạnh, được biện tài ấy. Nay chúng tôi rất sung sướng được lợi ích lành, là được thấy bậc Thiện tri thức này để cung kính cúng dường.

Bồ-tát Pháp Tốc Tật nói với vua Tịnh Trang Nghiêm:

–Chỗ cúng dường của nhà vua rất thấp kém, nên biết lại có sự cúng dường thù thắng.

Bồ-tát Pháp Tốc Tật nói kệ rằng:

*Chúng sinh khắp đại thiên
Đều theo hướng Bồ-đề
Giả sử trọn một kiếp
Đem nam nữ bố thí,
Nếu người phát đạo tâm
Tịnh tín mà xuất gia
Theo Phật để tu học
Phước này hơn phước kia.
Chư Phật thuở quá khứ
Tất cả Phật vị lai
Ai mà chẳng xuất gia
Đều được thành Phật đạo.
Tất cả Phật ba đời
Đều khen pháp xuất gia
Nếu thích cúng dường Phật
Nên theo Phật xuất gia.
Dù đầy hàng sa cỗi
Trần bảo dăng cúng Phật
Chẳng bằng trong một ngày
Xuất gia tu tịch tĩnh.
Người này gần Bồ-đề
Xô dẹp chúng ma quân
Xuất gia chẳng phóng túng
Pháp lành luôn tăng trưởng.
Chẳng hư các căn lành
Rời xa các phiền não
Bỏ gia nghiệp phiền lụy
Thuận đạo được Thánh khen.
Xuất gia rời phiền não
Trừ não rời ma nghiệp
Tâm giải hành không nhiễm
Rất nhanh chứng Bồ-đề.*

Nghe kệ xong lòng vua đối với vương tất cả ái dục, vương vị tự tại, thấy đều rời bỏ, liền bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện ở trong Pháp luật lành của Phật xuất gia thọ giới.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đức Đăng Tu-di Như Lai bảo:

–Này Đại vương! Xuất gia không họa hoạn mà ta thường khuyên gắng, mền luyến ở nhà chẳng phải là điều mà Phật hứa khả. Ở nơi vương vị nhà vua còn ái trước ta sẽ dạy nhà vua an trụ như pháp.

Vua Tịnh Trang Nghiêm bảo ngàn vương tử trong các con ai có thể nối giữ vương nghiệp?

Các vương tử đều nói chúng con thích xuất gia xin vua cha cho phép.

Vua bảo nếu các con đều xuất gia hết, thì nhân dân và cõi nước trong bốn thiên hạ này lấy ai dưỡng dục. Nếu trong các con người nào đại Bi vững chắc nên ra làm vua, khiến tất cả chúng sinh an trụ pháp lành.

Trong ngàn vương tử có một vị tên Niệm Đại Bi nói kệ đáp lời vua cha:

*Phụ vương nơi Phật pháp
Được nhiều công đức lành
Con xin lãnh ngôi vua
Cũng sẽ học như vậy.
Con thường tu phạm hạnh
Trọn đời giữ tám giới
Con sẽ chẳng uống rượu
Chẳng thoa, đeo hương hoa,
Thân bỏ đồ trang sức
Chẳng ngồi nằm tòa cao
Chân chẳng mang giày vàng
Đầu chẳng đội mũ báu,
Chẳng mặt y phục đẹp
Chẳng xem những kỹ nhạc
Chẳng ngắm chim thú lạ
Chẳng gần các cung nữ,
Tuần khắp bốn thiên hạ
Tuyên hành mười đạo lành
Quở trách lỗi tại gia
Khen ngợi pháp xuất gia,
Bỏ kiêu ngạo phóng túng
Thân cận ngôi Tam bảo
Chẳng bỏ tâm Bồ-đề
Thường nhàm chán ba cõi,
Dùng Thí, Ái, Lợi hành
Đồng sự nhiếp chúng sinh
Đại thừa khiến trụ hết
Đều sẽ được thành thực,
Ngày đêm cả sáu thời
Sẽ qua đến chỗ Phật
Để được nghe chánh pháp
Cúng dường Đức Như Lai.*

Đức Đăng Tu-di Như Lai khen vương tử Niệm Đại Bi:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam tử! Vì ông thấy pháp bình đẳng nên an trụ

đại Bi chánh tín nơi xuất gia, trong hàng Bồ-tát tại gia ông là tối thắng, cùng với công đức xuất gia không khác.

Vua Tịnh Trang Nghiêm liền lập Niệm Đại Bi nối ngôi vua, rồi cùng chín trăm chín mươi chín vương tử theo Phật xuất gia. Khi đã xuất gia rồi Đức Đăng Tu-di Như Lai dạy cho pháp thần biến như vậy, sau đó chẳng lâu chứng được năm phép thần thông, chứng niệm Tổng trì, Đa văn, trí tuệ.

Niệm Đại Bi trong ngày rằm thọ ngôi Quán đảnh rồi, cũng đêm pháp ấy tuyên bày giáo hóa cho tất cả chúng sinh trong bốn châu thiên hạ. Có chín mươi hai câu-chi chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề cùng theo Phật xuất gia tu hành, an trụ Đại thừa được Bất thoái chuyển.

Này Xá-lợi-phất! Ông xem pháp ấy có vô lượng công đức thành thực tất cả căn lành chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Vua Tịnh Trang Nghiêm thuở xưa ấy là Thiên tử Thương Chủ đây, Bồ-tát Pháp Tốc Tật ấy nay là Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Ngàn vương tử ấy nay là ngàn Phật trong Hiền kiếp. Chính vương tử Niệm Đại Bi ấy nay là thân ta đây.

Này Xá-lợi-phất! Các Bồ-tát ấy thâm tâm chánh hạnh chẳng phóng túng nên được Vô thượng Bồ-đề.

Lúc Đức Phật nói pháp tu hành thuở xưa ấy, có ba vạn hai ngàn Thiên tử phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ngài và Thiên tử Thương Chủ đã lâu tu phạm hạnh, cúng dường nhiều chư Phật, trông các căn lành.

Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Đại đức! Luận về phạm hạnh gọi là tám Thánh đạo là pháp hữu vi, tôi là vô vi, nên tôi tu phạm hạnh không lâu. Luận về phạm hạnh gọi là có sở hành, tôi không sở hành, nên tôi tu phạm hạnh không lâu. Lại phạm hạnh ấy gọi là hai tướng, tôi không hai tướng nên tôi tu phạm hạnh không lâu. Lại phạm hạnh ấy gọi là diệt phiền não, tôi không phiền não cũng không sở diệt, nên tôi tu phạm hạnh không lâu. Vì dong ruổi theo năm dục, nên nói phạm hạnh, với năm dục tôi vốn chẳng hành, nên tôi tu phạm hạnh không lâu. Vượt khỏi ma đạo gọi là phạm hạnh, tôi đang an trụ trong ma đạo, nên tôi tu phạm hạnh không lâu. Thành tựu pháp thiện gọi là phạm hạnh, nơi thiện ác tôi đều vô sở đắc, nên tôi tu phạm hạnh không lâu. Chánh vị an trụ của Thanh văn, Duyên giác gọi là phạm hạnh, tôi không sở chứng, nên tôi tu phạm hạnh không lâu. Tu đạo Niết-bàn gọi là phạm hạnh, nơi Niết-bàn tôi không nguyện cầu, nên tôi tu phạm hạnh không lâu.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả nói tôi cúng dường nhiều chư Phật. Tôn giả cho rằng Như Lai có thể cúng dường chăng? Tại sao? Như Lai chẳng phải sắc, cũng chẳng thấy được, thì sao lại cúng dường được. Đức Như Lai chẳng phải thọ vì dứt tất cả thọ, Đức Như Lai chẳng phải tướng, vì rời lìa tất cả kết sử, Như Lai chẳng phải hành, vì cứu cánh vô tác, Như Lai chẳng phải thức, vì ra khỏi tâm ý, làm sao cúng dường được Như Lai.

Lại Đức Như Lai sở hành nơi tánh không nên không phải là giới của nhãn, đã trụ nơi biên tế vô tướng nên không phải là giới của nhĩ thanh, đã xa lìa hai tướng nên không phải của tỷ hương, đã chứng tướng không thể biết được nên không phải là giới của hương vị, đã chứng được tướng không chướng ngại, nên không phải giới của thân, xúc đã hội nhập được thể tánh bình đẳng, nên chẳng phải là giới của ý pháp, thì làm sao gọi

là cúng dường Như Lai được?

Lại Như Lai gọi là pháp giới, gọi là như như, vào thật tế, trụ đại không, chẳng động bản tánh, dứt các hý luận, không chỗ phan duyên, chẳng trụ nơi thức, chẳng nương vào ba cõi, chẳng trụ đời này đời sau, thường tịch cực tịnh, rời thân, khẩu, ý, không hình không tướng, không hủy không dự, không lậu không thất, như hư không, khắp tất cả, làm sao có thể nói là cúng dường Như Lai được?

Lại nữa, này Tôn giả! Như lời Tôn giả nói trong các căn lành. Căn lành ấy chẳng phải gốc thân kiến, chẳng phải gốc tham sân, chẳng phải điên đảo, chẳng phải trụ gốc năm uẩn, sáu nhập, bảy thức, chẳng phải gốc tám tà, chín não, mười nghiệp đạo bất thiện, căn lành ấy chẳng phải gốc giới học, tâm học, tuệ học, chẳng phải gốc chánh hướng đến đạo, chẳng phải gốc minh giải thoát, chẳng phải gốc bốn Đế, sáu phép thần thông, chẳng phải gốc chín Định thứ lớp, mười Vô học, chẳng phải gốc năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần, tám Thánh đạo phần. Lại căn lành ấy chẳng phải gốc kết sử, chẳng phải gốc chướng ngại, chẳng phải gốc ác tác, chẳng phải gốc sinh diệt kiến, đoạn và thường kiến, ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, chẳng phải gốc uẩn ma, phiền não ma, tử ma, Thiên ma; chẳng phải gốc vọng niệm, vô minh, hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão, tử, ưu não; chẳng phải gốc của Dục giới, Sắc và Vô sắc giới; chẳng phải gốc Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, chẳng phải gốc Từ, Bi, Hỷ, Xả; chẳng phải gốc chứng của Thanh văn, Duyên giác. Luận về căn lành của Bồ-tát là gốc Nhất thiết trí tâm vô sở trụ, gốc không tự tác tha tác, gốc nhẫn nhục điều phục, gốc trang nghiêm thân, khẩu, ý, gốc đại Từ đại Bi, gốc thành thực tất cả chúng sinh, gốc nhiếp thọ tất cả pháp, gốc thành thực tất cả Phật pháp, gốc chẳng dứt giống Tam bảo, gốc bỏ tất cả sở hữu chẳng cầu quả báo, gốc chứa hạp các pháp lành chẳng cầu Thích, Phạm, gốc phát đại tinh tấn chẳng thích Tiểu thừa, gốc tu tập thiền định chẳng ham say, gốc lấy không gì bỏ để hành trí tuệ, gốc vào khắp các hành để tu phương tiện, gốc đủ mười Lực, bốn Vô úy, gốc được Đà-la-ni vô ngại biện, gốc được sức thần thông thanh tịnh Phật độ, gốc đến ngôi cội Bồ-đề chuyển pháp luân.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói ba thứ nghĩa quyết định ấy, tất cả đại chúng đều khen: “Lành thay!”, đem các thứ hoa đẹp rải lên Đức Thế Tôn và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà nói:

–Nếu trong cõi Phật không có Văn-thù-sư-lợi thì Phật chẳng xuất thế, chẳng phải Văn-thù-sư-lợi thì chẳng thành thực được căn rộng lớn cho tất cả chúng sinh. Nếu ai được nghe pháp môn của Văn-thù-sư-lợi nói, mà chẳng kinh sợ thì xa rời tất cả ma nghiệp chướng ngại, được quang minh thanh tịnh nơi Đại thừa này.

